

BẢN TIN

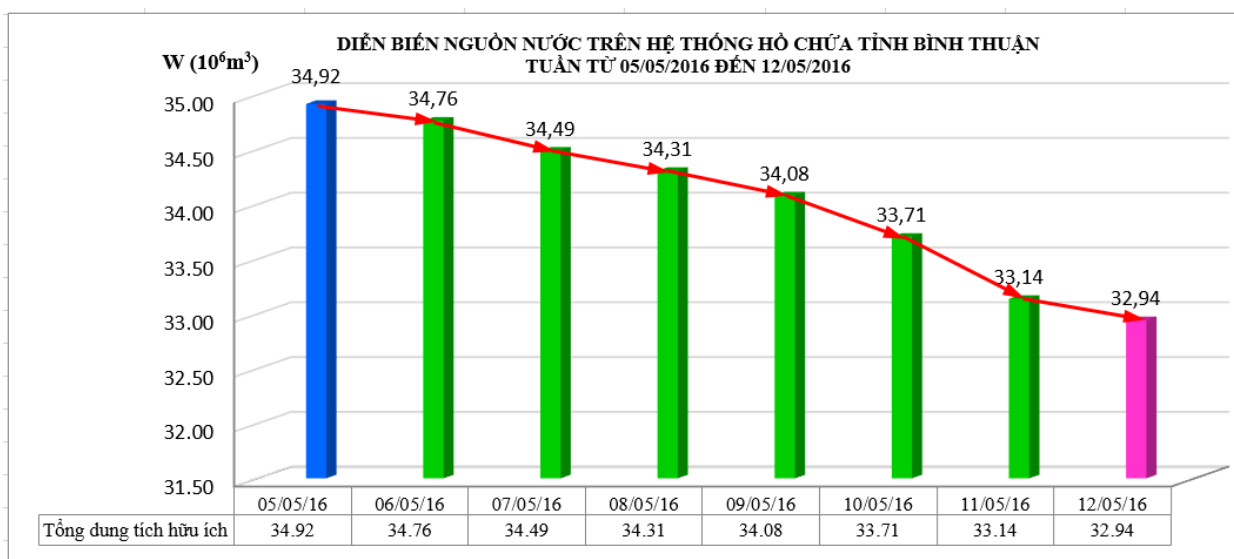
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016

(Tuần từ 13/05/2016 đến 19/05/2016)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 05/05 - 12/05/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ ngày 05/05/2016 đến 12/05/2016 được trình bày tại Hình 1, kết quả cho thấy: Tổng lượng nước trong các hồ, đập có xu thế giảm bình quân 0,28 triệu m³/ngày, ít hơn so với tuần trước (với mức giảm 0,58 triệu m³/ngày). Tổng lượng giảm trong tuần qua là 1,97 triệu m³.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 05/05-12/05/2016

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 12/05/2016

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

Tính đến ngày 12/05/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 32,944 triệu m³, còn 15,21% so với tổng dung tích thiết kế, so với tuần trước (05/05/2016) đã giảm 1,97 triệu m³. Một số hồ, đập đã cạn nước như hồ Đá Bạc, hồ Suối

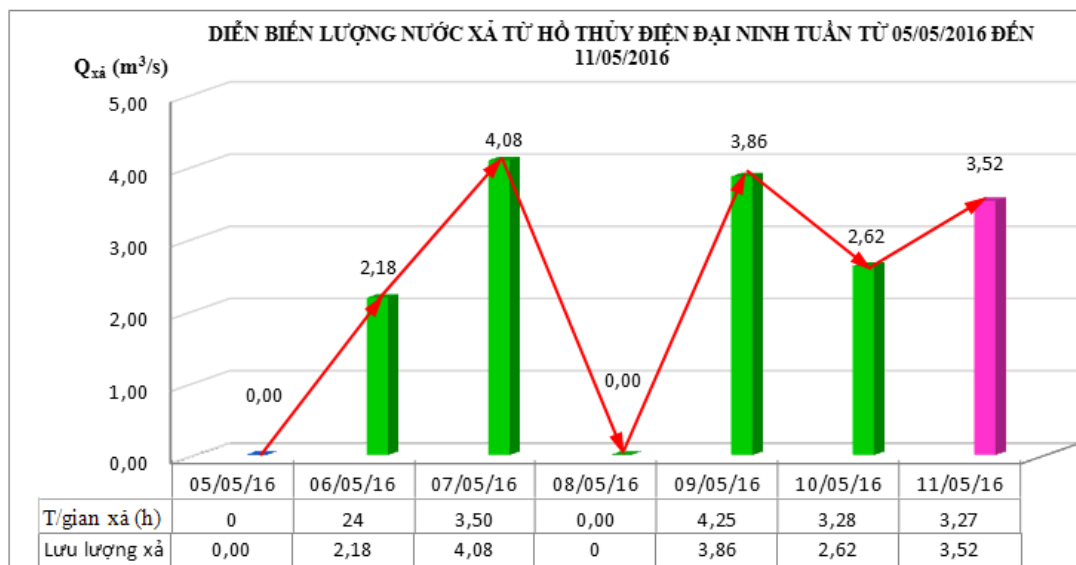
Đá, hồ Sông Móng, Đập Ba Bàu, hồ Tà Mon, hồ Núi Đất, hồ Trà Tân, Đập Sông Phan.

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 12/05/2016

	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	0,626	4,870	9,718	0,392	4,478	0,234	5,23%
2	Lòng Sông	10,108	37,160	40,271	3,464	33,696	6,644	19,72%
3	Cà Giây	11,973	36,921	63,209	8,409	28,512	3,564	12,50%
4	Sông Khán	0,641	2,014	2,520	0,261	1,753	0,380	21,65%
5	Sông Quao	23,925	73,000	80,000	5,700	67,300	18,225	27,08%
6	Suối Đá	1,587	9,131	12,786	1,273	7,858	0,314	3,99%
7	Cầm Hang	0,314	1,180	1,215	0,013	1,167	0,301	25,79%
8	Sông Móng	1,835	37,156	51,515	2,985	34,171	-1,150	-3,36%
9	Ba Bàu	0,784	6,938	11,403	0,964	5,974	-0,180	-3,01%
10	Đu Đủ	2,537	3,664	5,217	0,297	3,367	2,240	66,51%
11	Tân Lập	0,464	1,070	1,520	0,07	1,000	0,394	39,36%
12	Tà Mon	0,020	0,657	0,72	0,05	0,607	-0,030	-4,94%
13	Núi Đất	0,714	8,466	9,648	0,566	7,900	0,148	1,87%
14	Trà Tân	0,410	3,888	8,333	0,403	3,485	0,007	0,20%
15	Sông Phan	0,092	3,022	3,579	0,172	2,850	-0,080	-2,79%
16	Phan Dũng	3,167	13,674	18,925	1,233	12,441	1,934	15,55%
Tổng Cộng		59,196	242,811	320,579	26,252	216,559	32,944	15,21%

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 12/05/2016, lượng nước còn lại tại hồ thủy điện Đại Ninh là 26,94 triệu m^3 /251,73 triệu m^3 , đạt 10,7% so với dung tích thiết kế, đã giảm 0,649 triệu m^3 so với tuần trước (ngày 05/05/2016). Trong tuần vừa qua, thủy điện Đại Ninh có 2 lần ngưng xả nước vào các ngày 05/05/2016 và 08/05/2016.



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 05/05/2016 đến

11/05/2016

Đến ngày 12/05/2016, lượng nước còn lại của hồ thủy điện Hàm Thuận là 145,4 triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 27,83% so với dung tích thiết kế, đã giảm 15,75 triệu m³ so với tuần trước (ngày 05/05/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 12/05/2016

Stt	Tên Các	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung hiện tại
	Hồ Chứa	Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	94,978	319,770	549,820	68,040	251,730	26,938	10,70%
2	<u>Hàm Thuận</u>	318,164	695,230	976,650	172,730	522,500	145,434	27,83%
	Tổng Cộng	413,142	1,015,000	1,526,470	240,770	774,230	172,372	22,26%

Từ ngày 05/05/2016 đến ngày 12/05/2016, thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi cơ bản đảm bảo duy trì thời gian và lưu lượng chạy máy phát điện kết hợp cấp nước về hạ du theo Biên bản thống nhất kế hoạch điều tiết nước hồ thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và Đại Ninh ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Thuận với các Nhà máy Thủy điện.

1.2.3. Nguồn nước mặt, nước nhả, nước ngầm

Hiện tại trừ dòng chảy sông La Ngà, lượng dòng chảy mặt trên các lưu vực sông, suối, nguồn nước nhả tại các công trình thủy lợi trên toàn tỉnh Bình Thuận đã cạn kiệt; mực nước ngầm hạ thấp, khó khăn trong việc khai thác nguồn nước từ giếng khoan phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn.

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

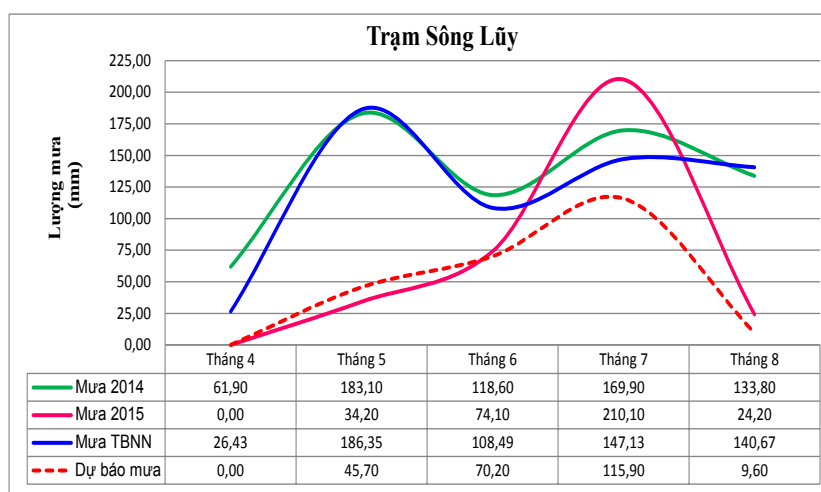
Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

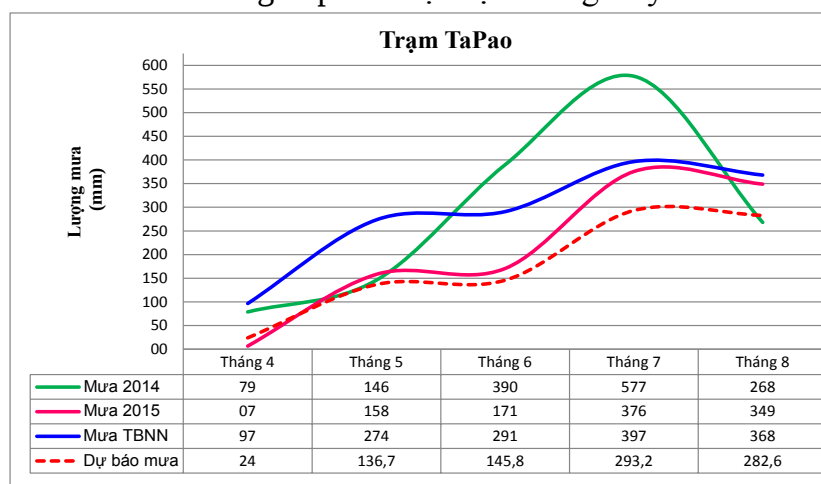
2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 05/2016	Dự báo KTTV tuần 2 tháng 05/2016 (từ ngày 01-10/05/2016)
a. <u>Khí tượng:</u> - Lượng mưa một vài nơi trong tỉnh phổ biến: 50 - 75mm, với 6 - 12 ngày mưa, riêng vùng núi Tây và Tây Nam 100 - 150mm, 6 - 12 ngày mưa. - Tổng lượng bốc hơi: 130 - 150mm. b. <u>Thủy văn:</u> Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN. + Tà Pao: Htb = 116,20m; Hmax = 116,60m; Hmin = 115,55m. + Sông Lũy: Htb = 22,90m; Hmax = 23,10m; Hmin = 22,82m.	a. <u>Khí tượng:</u> - Lượng mưa không đáng kể, dự báo từ: 10 - 25 mm, vùng núi: 20 – 40mm với 2 - 4 ngày mưa. - Tổng lượng bốc hơi: 40 - 50mm. b. <u>Thủy văn:</u> Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN. + Tà Pao: Htb = 116,25m; Hmax = 117,30m; Hmin = 115,55m. + Sông Lũy: Htb = 22,95m; Hmax = 23,20m; Hmin = 22,83m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 2: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Sông Lũy



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 5 –tháng 8) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (10^6 m^3)				
		Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng cộng (10^6 m^3)
1	Hồ Đá Bạc	0.03	-	-	0.05	0.08
2	Hồ Phan Dũng	1.1	1.81	1.61	3.48	8
3	Hồ Lòng Sông	0.11	0.26	1.31	6.16	7.84
4	Đập Sông Lũy	9.16	22.34	35.57	42.72	109.79
5	Hồ Cà Giây	1.74	4.28	2.79	6.03	14.84
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	25.33	41.27	21.97	31.85	120.42
7	Hồ Sông Quao	3.72	27.79	34.04	46.82	112.37
8	Hồ Suối Đá	0.62	1.56	1.02	2.2	5.4
9	Hồ Sông Khán	0.43	1.04	0.7	1.5	3.67
10	Hồ Cà Giang	0.99	1.24	0.57	0.32	3.12
11	Hồ Cẩm Hàng	0.03	0.65	0.72	0.88	2.28
12	Hồ Sông Móng	3.32	3.37	3.14	7.21	17.04
13	Đập Ba Bàu	7.52	7.54	6.38	13.93	35.37
14	Hồ Đu Đủ	0.46	0.6	0.91	0.83	2.8
15	Đập Sông Phan	3.39	12.16	12.86	14.73	43.14
16	Hồ Tân Lập	-	0.52	2.2	1.37	4.09
17	Hồ Tà Mon	0.01	0.99	0.98	3.62	5.6
18	Hồ Núi Đất	0.01	0.99	0.98	3.62	5.6
19	Hồ Sông Dinh	5.63	24.03	53.73	84.29	167.68
20	Đập Cô Kiều	0	0.78	0.78	2.89	4.45
21	Sông La Ngà (Tới đập Tà Pao)	100.9	157.49	158.86	213.01	630.26
22	Hồ Trà Tân	2.3	2.2	2.22	4.21	10.93
	Tổng cộng					1314.77

Theo Biên bản thống nhất ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận với các Nhà máy thủy điện. Dự kiến lượng nước xả tới tháng 6 của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận, Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng				Tổng (10^6 m^3)
		5	6	7	8	
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	2	5	11	11	23,1
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	7	8	7	7	
Hàm Thuận- Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	25	20	36	36,2	167,3
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	16	12	12	12	

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (từ tháng 5 đến tháng 8) được trình bày tại bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 là 284,75 triệu m³ (trong đó tháng cần nhiều nước nhất là tháng 5 : 118,2 triệu m³ và tháng 6: 85,4 triệu m³).

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất năm 2016

Đơn vị: Triệu m³

TT	LV Sông. hồ	Vụ Hè Thu 2016							
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)			Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)				
		Lúa	Cây CN, Nho, Thanh Long	Thủy sản	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng
Tổng cộng		33787,6	14761,4	647,5	118,2	85,4	50,3	30,8	284,75
1	Hồ Đá Bạc	271,4	54	-	0,77	0,72	0,50	1,99	2,93
2	Hồ Phan Dũng	124	108	-	0,57	0,54	0,45	1,56	2,20
3	Hồ Lòng Sông	3062	195	79,2	8,59	8,21	5,81	22,61	33,53
4	Đập Sông Lũy	6.378,8	294	-	22,74	18,35	15,51	69,58	69,58
5	Hồ Cà Giây	1.410	396	-	5,13	4,17	3,54	15,83	15,83
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Sơn...	1.027	276	-	4,91	4,17	3,75	16,17	16,17
7	Hồ Sông Quao	6.369	6.622,81	-	5,79	11,54	17,40	42,13	42,13
8	Hồ Suối Đá	235	470	-	0,14	0,36	0,60	1,3	1,30
9	Hồ Sông Khán	74	34	-	0,06	0,13	0,20	0,47	0,47
10	Hồ Sông Móng	-	178	-	0,13	-	-	0,13	0,13
11	Đập Ba Bàu	726,32	3640	-	6,00	1,73	0,49	9,25	9,24
12	Hồ Đu Đủ	97	987,67	-	1,17	0,22	0,05	1,57	1,56
13	Đập Sông Phan	1	604,8	-	0,53	0,07	0,07	0,74	0,74
14	Hồ Tân Lập	-	473,76	-	0,35	-	-	0,35	0,35
15	Hồ Tà Mon	-	137,4	-	0,10	-	-	0,1	0,10
16	Hồ Núi Đất	430	226	-	2,34	1,26	0,52	4,96	4,96
17	Hồ Sông Dinh	417	64	-	2,93	2,01	1,33	7,91	7,90
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	0,23	0,14	0,08	0,56	0,56
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	13.024,2	-	568,3	55,45	31,73	-	87,18	129,31
20	Hồ Trà Tân	100,9	-	-	0,27	0,09	-	0,36	0,54

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 13/05/2016 đến 19/05/2016

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến

ngày 19/05/2016 được trình bày tại bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh hầu hết đều giảm, tổng dung tích các hồ chứa đến ngày 19/05/2016 đạt 30,71 triệu m³ (chiếm 14,18% so với dung tích thiết kế), giảm 2,2 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 12/05/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 19/05/2016

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế (10 ⁶ m ³)	Nguồn nước hiện tại - 12/5/2016			Dự kiến nguồn nước đến 19/5/2016		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 12/05/2016 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 19/5/2016 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	25,84	0,234	5,23%	25,75	▼ 0,209	4,67%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	61,58	6,644	19,72%	61,32	▼ 6,353	18,85%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	69,09	3,564	12,50%	69,02	▼ 3,407	11,95%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	103,09	0,380	21,65%	103,00	▼ 0,357	20,35%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	78,55	18,225	27,08%	78,27	▼ 17,245	25,62%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	43,29	0,314	3,99%	43,18	▼ 0,195	2,48%
7	Hồ Cẩm Hang	25	1,167	23,20	0,301	25,79%	21,41	▼ 0,027	2,29%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	63,78	-1,150	-3,36%	63,72	▼ -1,196	-3,50%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	38,20	-0,180	-3,01%	38,20	■ -0,180	-3,01%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	59,89	2,240	66,51%	59,79	▼ 2,151	63,88%
11	Hồ Tân Lập	44	1	42,12	0,394	39,36%	41,80	▼ 0,324	32,40%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	41,80	-0,030	-4,94%	41,80	■ -0,030	-4,94%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	17,30	0,148	1,87%	17,05	▼ 0,025	0,31%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	92,52	0,007	0,20%	92,55	▲ 0,018	0,51%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	60,82	-0,080	-2,79%	60,82	■ -0,080	-2,79%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	199,19	1,934	15,55%	199,12	▼ 1,882	15,12%
	Tổng		216,559		32,94	15,21%		30,71	14,18%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện trạng

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu, dự báo từ 13/5-31/8/2016 sẽ có:

- + 9/20 hồ chứa nguồn nước rất ít để bố trí diện tích tưới bao gồm: Hồ Lòng Sông (đáp ứng 62,61%), hồ Đá Bạc (16,57%), hồ Phan Dũng (86,04%), đập sông Lũy (74,93%- thiếu nước tháng 5), hồ Cà Giây (95,18%- thiếu nước tháng 5), hồ sông Móng (44,65%), hồ Tà Mon (0%), hồ Núi Đất (45,39%), đập Cô Kiều (59,81%).
- + 11/20 hồ/đập có khả năng đáp ứng cho vụ Hè Thu: Hệ thống đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ sông Khán, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập TaPao), hồ Trà Tân.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7:

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu							
		Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³)					Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2016	Tháng thiếu nước nhất	
		Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng		Tỷ lệ đáp ứng	Tháng
1	Hồ Đá Bạc	0,435	0,718	0,496		1,649	16,57%	0%	Tháng 7
2	Hồ Phan Dũng	0,069	0,081	0,067		0,217	86,04%	85,00%	Tháng 7
3	Hồ Lòng Sông	0,343	4,889	3,163		8,395	62,61%	40,47%	Tháng 6
4	Đập Sông Lũy	17,595	0	0		17,595	74,93%	22,61%	Tháng 5
5	Hồ Cà Giấy	0,77	0	0	0	0,77	95,18%	85,00%	Tháng 5
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	0	0	100%	100%	
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	0	0	100%	100%	
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	0	0	100%	100%	
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	0	0	100%	100%	
10	Hồ Sông Móng	0,073	0	0	0	0,073	44,65%	44,65%	Tháng 5
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	0	0	100%	100%	
12	Hồ Đu Đủ	0	0	0	0	0	100%	100%	
13	Đập Sông Phan	0	0	0	0	0	100%	100%	
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	0	0	100%	100%	
15	Hồ Tà Mon	0,103	0	0	0	0,103	0%	0%	Tháng 5
16	Hồ Núi Đất	2,324	0,278	0,078	0,041	2,721	45,39%	0,59%	Tháng 5
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	0	0	100%	100%	
18	Đập Cô Kiều	0,229	0	0	0	0,229	59,81%	1,61%	Tháng 5
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	0			0	100%	100%	
20	Hồ Trà Tân	0	0			0	100%	100%	
Tổng						31,75			

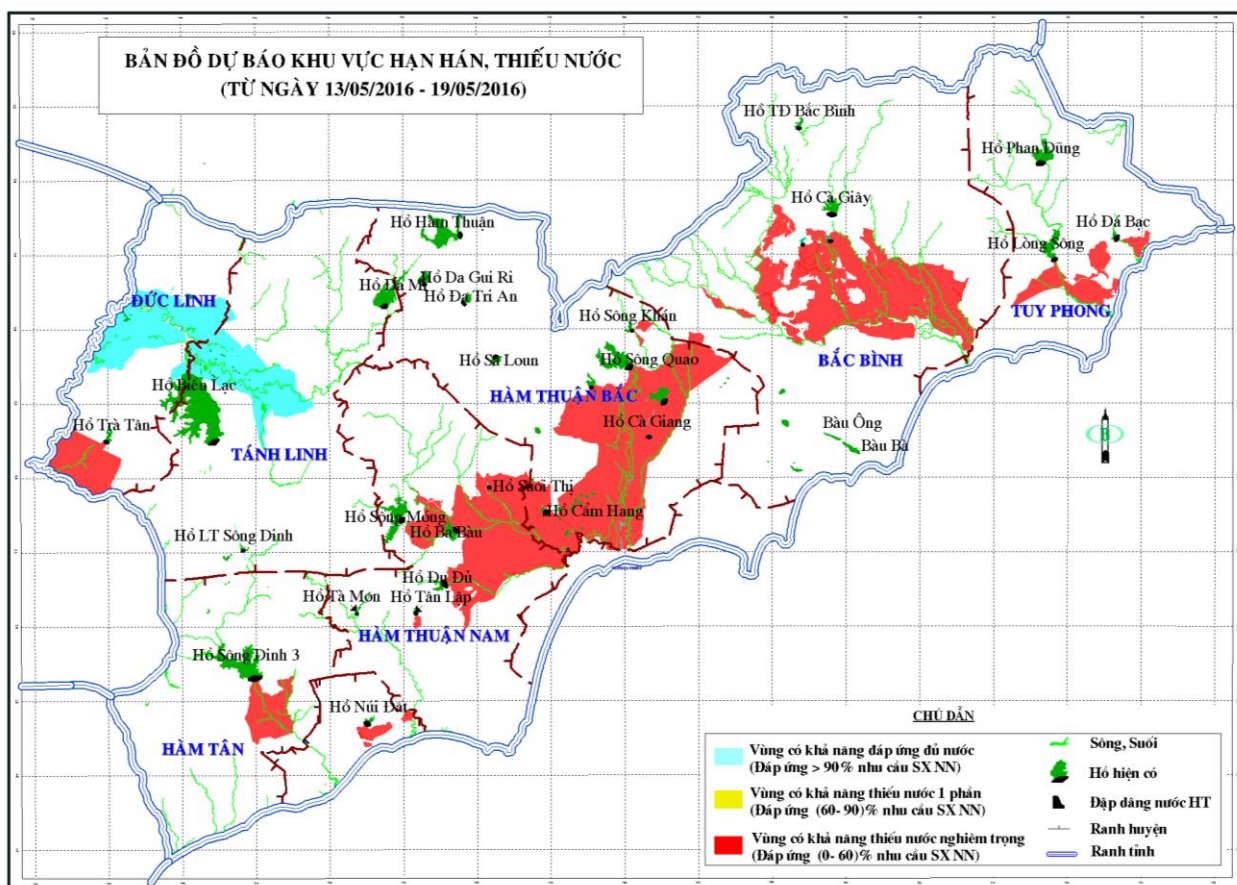
Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả kiểm đếm nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Tiếp tục triển khai các biện pháp phòng chống hạn hán có nguy cơ ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi, Thường xuyên theo dõi lưu lượng chạy máy của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi, diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch xuống giống hợp lý cho vụ hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 19/5/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh chỉ còn 30,71 triệu m³ (chiếm 14,18% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 19/5/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông: 6,35 triệu m³, hồ Phan Dũng: 1,88 triệu m³, hồ Đá Bạc hết nước nên chỉ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho nhà máy nước thị trấn Liên Hương, nước uống cho gia súc;
- Hồ Cà Giấy còn là 3,4 triệu m³: ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, nước uống cho gia súc;

- Hồ Sông Quao còn 17,24 triệu m³: ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Ma Lâm huyện Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết;
- Hồ Sông Móng đã hết nước, đập Ba Bàu hết nước, hồ Đu Đủ: 2,15 triệu m³, hồ Tân Lập: 0,32 triệu m³ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho thị trấn huyện Hàm Thuận Nam;
- Hồ Núi Đất: 0,02 triệu m³, hồ sông Dinh 3: 3,2 triệu m³ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho Thị xã LaGi;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2016.



Hình 5: Bản đồ dự báo các vùng/khu vực có khả năng hạn hán, thiếu nước từ ngày 13/05/2016 đến ngày 19/05/2016

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 12/05/2016

(Lưu ý: Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó với tình hình hạn hán, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtmlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.